

QUYẾT ĐỊNH

Về tỷ lệ và cơ cấu dự trữ bắt buộc đối với ngân hàng, tổ chức tín dụng

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30-9-1992;
- Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính công bố theo lệnh số 37/LCT-HĐNN8 và lệnh số 38/LCT-HĐNN8 ngày 24 tháng 5 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng là 10% trên tổng số tiền gửi huy động có kỳ hạn dưới 24 tháng.

Chi tiết các loại tiền gửi huy động có kỳ hạn dưới 24 tháng quy định tại Điều 11 của Quy chế dự trữ bắt buộc ban hành kèm theo Quyết định số 396/1997/QĐ-NHNN1 ngày 1 tháng 12 năm 1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Cơ cấu tiền dự trữ bắt buộc bao gồm tiền gửi trên tài khoản không kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và tiền mặt, ngân phiếu còn thời hạn thanh toán tại quỹ Ngân hàng, tổ chức tín dụng:

2.1. Tiền dự trữ bắt buộc của Ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi trên tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước tối thiểu là 70% tổng số tiền dự trữ bắt buộc của Ngân hàng, tổ chức tín dụng.

2.2. Tiền mặt và ngân phiếu thanh toán còn thời hạn thanh toán để tại quỹ Ngân hàng, tổ chức tín dụng được tính là tiền dự trữ bắt buộc tối đa 30% tổng tiền dự trữ bắt buộc của Ngân hàng,